

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2019/DS-ST

Ngày: 08/10/2019

V/v tranh chấp "Hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Tàu

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 154/2019/TLST-DS ngày 27/6/2019 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/QĐST-DS ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Trúc L**; sinh năm: 1988. Địa chỉ: 026 khu vực TM, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim T**; sinh năm: 1987. Địa chỉ: 106 khu vực TM, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Từ Thị Thúy L1**; sinh năm: 1983. Địa chỉ: 134/1 khu vực TM, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày: Bà là chủ hụi, bà T là hụi viên có tham gia của bà 03 dây hụi, cụ thể như sau:

1/ **Dây hụi tuần 500.000đ, mở ngày 24/7/2017 âm lịch.** Hụi hoa hồng 250.000đ. Có 62 phần. Bà T tham gia 03 phần.

- *Phần thứ 1:* Bà T đóng hụi sống được 23 lần, đến lần thứ 24 bà T kêu lãi **210.000đ** thì hốt 01 phần được **22.810.000đ**.

Bà T tiếp tục đóng 09 lần hụi chết đến lần thứ 33 thì ngưng. Còn nợ lại 29 lần x 500.000đ = **14.500.000đ**.

- *Phần thứ 2:* Bà T đóng hụi sống được 24 lần, đến lần thứ 25 bà T kêu lãi **220.000đ** thì hốt 01 phần được **22.640.000đ**.

Bà T tiếp tục đóng 08 lần hụi chết đến lần thứ 33 thì ngưng. Còn nợ lại 29 lần x 500.000đ = **14.500.000đ**.

- *Phần thứ 3:* Bà T đóng hụi sống được 25 lần, đến lần thứ 26 bà T kêu lãi **230.000đ** thì hốt 01 phần được **22.490.000đ**.

Bà T tiếp tục đóng 07 lần hụi chết đến lần thứ 33 thì ngưng. Còn nợ lại 29 lần x 500.000đ = **14.500.000đ**. Hụi bể ngày 28/8/2018 âm lịch, tương ứng với lần thứ 44.

Tổng cộng dây hụi này bà T còn nợ lại số tiền **43.500.000đ**.

2/ **Dây hụi tháng 3.000.000đ, mở ngày 01/6/2017 âm lịch.** Hụi hoa hồng 1.500.000đ. Có 25 phần. Bà T tham gia 01 phần.

Bà T đóng hụi sống được 08 lần; đến lần thứ 9, kêu lãi 1.650.000đ thì hốt được **44.250.000đ**. Bà T không đóng hụi chết được lần nào nữa. Do đó, bà T còn thiếu 17 lần hụi chết x 3.000.000đ = **51.000.000đ**. Hụi bể vào lần thứ 13, còn 12 lần.

3/ **Dây hụi ngày 100.000đ, mở ngày 25/02/2018 âm lịch.** Hụi hoa hồng 100.000đ. Có 40 phần. Bà T tham gia 08 phần.

Bà T đóng được 07 lần hụi sống, đến lần thứ 8 thì hốt, kêu lãi 10.000đ, hốt được 3.580.000đ x 8 phần = **28.640.000đ**. Bà T tiếp tục đóng hụi chết đến lần thứ 25 thì ngưng cho đến nay. Do đó, bà T còn thiếu lại 15 lần x 8 x 100.000đ = **12.000.000đ**. Dây hụi này đã mãn, không bị bể.

Tổng cộng, bà T thiếu bà: **43.500.000đ + 51.000.000đ + 12.000.000đ = 106.500.000đ**.

Tuy nhiên, việc tham gia hụi giữa các bên không có lập sổ hụi, khi bà giao hụi cho bà T thì bà T cũng không có ký nhận tiền hụi.

Bên cạnh đó, trong dây hụi tuần thì 01 phần là của bà T; 02 phần là của bà Từ Thị Thúy L1. Bà L1 là người tham gia nhưng khi bà T hốt xong phần hụi của bà T, đến 02 lần kêu hụi tiếp theo thì bà T đến và kêu lãi giùm cho bà L1 là 220.000đ; 230.000đ. Khi đó bà có điện thoại hỏi bà L1, bà L1 nói là kêu bà T đi hốt giùm bà L1 và hụi chết của bà L1 sẽ do bà T đóng giùm cho bà L1 nên bà mới đồng ý giao hụi của bà L1 cho bà T. Do đó, các lần hụi chết sau là do bà T đóng cho bà.

Ngoài ra, bà thừa nhận có vay lại của bà T tổng cộng số tiền **30.000.000đ** của bà T từ số tiền bà T hốt hội của bà L1, lãi suất 20%/tháng, tiền lãi của số tiền vay này bà đã trừ tiền hội tuần của bà T được 07-08 lần.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà T phải trả số tiền hội còn thiếu 106.500.000đ nhưng do hội bị bế nên nay bà chỉ yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hội còn thiếu (không tính tiền lãi đã kêu từ khi hội bị bế): Dây hội tháng: 31.200.000đ + Dây hội tuần: 31.620.000đ + Dây hội ngày: 12.000.000đ; tổng cộng: **74.820.000đ**.

Theo bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim T cho rằng: Thừa nhận có tham gia 03 dây hội nêu trên của bà L. Số tiền đã hốt và còn thiếu như bà L trình bày là đúng.

Tuy nhiên, 02 phần hội của bà L1 là do bà L1 hốt, bà L giao tiền hội cho bà L1 xong rồi bà L1 giao trừ lại số tiền bà L1 đã đóng hội sống, còn lại tiền hội chết bà L1 giao cho bà và bà tiếp tục đóng các lần hội chết còn lại của bà L1 cho bà L.

Sau khi bà nhận tiền hội của bà L1 thì bà đã cho bà L vay lại tổng cộng số tiền **30.000.000đ**, lãi suất 20%/tháng, tiền lãi của số tiền vay này để bà L trừ vào tiền hội chết bà phải đóng cho bà L, bà L trừ được khoảng 03-04 lần, sau đó bà có việc nhà nên bỏ địa phương đi và không đóng tiền hội cho bà L1.

Nay bà thống nhất trả số tiền hội còn thiếu cho bà L tổng cộng **74.820.000đ** trong đó gồm cả 02 phần hội của bà L1 mà bà đã hốt và chưa đóng cho bà L.

Tuy nhiên, về tiền án phí thì bà không đồng ý chịu án phí vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn.

Đối với số tiền bà L vay **30.000.000đ**, bà sẽ khởi kiện bà L để yêu cầu bà L trả cho bà số tiền này trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Từ Thị Thúy L1 cho rằng:

Bà có tham gia dây hội tuần 500.000đ, mở ngày 24/7/2017 âm lịch của bà L làm chủ hội. Hội hoa hồng 250.000đ. Có 62 phần. Bà tham gia 02 phần. Bà đã đóng được 26 lần hội sống, đến lần thứ 27 thì kêu lãi **270.000đ**, hốt 01 phần, số tiền là **20.750.000đ**. Tuy nhiên, bà có thỏa thuận với bà L là bà hốt phần hội này giao lại cho bà T và bà T sẽ tiếp tục đóng hội chết phần hội này đến khi mãn hội, bà L đồng ý. Đến kỳ hội tiếp theo, bà kêu lãi **220.000đ**, hốt được số tiền **22.770.000đ**. Phần hội này bà cũng thỏa thuận với bà L sẽ giao lại cho phần hội cho bà T để bà T đóng hội chết phần còn lại cho đến khi mãn hội. Sau đó, bà T đóng hội chết cho bà L như thế nào thì bà không rõ. Trong vụ kiện này, số tiền hội bà đã giao lại cho bà T nên bà T có trách nhiệm đóng hội chết phần còn lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận dây hội tháng là của bà L1 tham gia nhưng giữa nguyên đơn, bị đơn và bà L1 đã thống nhất là khi bà L1 hốt hội thì giao lại cho T và bà T chịu trách nhiệm đóng hội chết cho đến khi mãn hội. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền hội tháng còn thiếu **29.550.000đ** (rút yêu cầu tiền lãi của 13 lần hội chết chưa đóng); đối với dây hội tuần: thừa nhận số tiền 02 lần kêu lãi như bà L1 trình bày là đúng nhưng không đồng ý chuyển số

tiền lãi của số tiền vay **30.000.000đ** thành tiền đóng hội, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hội tuần còn thiếu theo các lần hội bà T đã thực đóng còn lại là **37.300.000đ**; tiền hội ngày còn thiếu **12.000.000đ**; tổng cộng: **78.850.000đ**, không đồng ý cho bị đơn trả dần; rút yêu cầu phần tiền lãi từ khi bẻ hội: **27.650.000đ**. Bị đơn là bà T đồng ý trả số tiền nợ hội còn thiếu **78.850.000đ** cho bà L nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng **500.000đ**.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về việc giải quyết vụ án:** phía bị đơn thừa nhận có tham gia hội của nguyên đơn và còn thiếu nợ hội chưa đóng như nguyên đơn trình bày là đúng. Đối với 02 phần hội tuần và dây hội tháng là do bà L1 tham gia nhưng khi bà L1 hốt hội đã giao lại cho bà T, thỏa thuận bà T phải đóng hội chết đến khi mãn hội, việc chuyển giao nghĩa vụ này đã được bà L đồng ý; do số tiền nợ hội bị đơn còn nợ của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận nên xác định đây là sự thật, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội còn thiếu là **78.850.000đ**. Do yêu cầu trả dần của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở để chấp nhận. Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là **27.650.000đ**, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút.

Đối với số tiền **30.000.000đ** của nguyên đơn vay của bị đơn và tiền lãi của số tiền vay này; do bị đơn không có đơn phản tố và chưa nộp tạm ứng án phí nên chưa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện tranh chấp "*Hội*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hội còn thiếu 78.850.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Phía bị đơn thừa nhận có tham gia hội do nguyên đơn làm chủ hội với nội dung thỏa thuận như nguyên đơn trình bày là đúng; thống nhất tiền lãi các lần kêu hội tuần như bà L1 trình bày là đúng; thống nhất không chuyển tiền lãi vay thành tiền góp 08 lần hội chết dây hội tuần của bà T nên chỉ tính tiền vốn từ khi bẻ hội thì bà T còn thiếu tiền hội của bà L tổng cộng **78.850.000đ**. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tính đến ngày

28/8/2018 âm lịch cho đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **78.850.000đ** nợ hui là sự thật, không cần phải chứng minh. Do bị đơn đã hốt hui nhưng không thanh toán số tiền hui phải góp định kỳ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hui còn thiếu là có cơ sở.

Xét thấy, dây hui tuần và dây hui tháng bị bể ngày 28/8/2018 âm lịch nên nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ chưa đóng còn thiếu của 11 lần hui chết và tiền vốn của 26 lần hui chết từ khi bể hui của dây hui tuần là **37.300.000đ** và 17 lần tiền vốn của dây hui tháng còn thiếu **29.550.000đ**; còn dây hui ngày đã mẫn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hui còn thiếu lại $15 \text{ lần} \times 8 \times 100.000\text{đ} = \mathbf{12.000.000\text{đ}}$ là có cơ sở, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền **78.850.000đ**.

[3] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi số tiền bị đơn chậm đóng theo mức lãi suất quy định pháp luật; xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

[4] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi **27.650.000đ**; xét thấy đây là sự tự nguyện và không trái pháp luật nên cần đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Đối với việc bà L1 tham gia 02 phần dây hui tuần và 01 phần dây hui tháng nhưng bà L1 giao tiền hui đã hốt và chuyển giao nghĩa vụ góp hui chết cho bà T; xét thấy, việc chuyển giao nghĩa vụ này đã được bà T và người có quyền là bà L đồng ý nên bà T phải có trách nhiệm góp hui chết cho bà L, bà L1 không còn nghĩa vụ góp hui kể từ khi chuyển giao nghĩa vụ cho bà T theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự 2015.

[6] Đối với số tiền **30.000.000đ** nguyên đơn vay của bị đơn: do vụ án là tranh chấp hui, còn quan hệ tranh chấp về số tiền vay **30.000.000đ** bị đơn chưa nộp đơn phản tố cũng như không đóng tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên số tiền vay và tiền lãi của số tiền vay này không được giải quyết trong vụ kiện này. Nếu các bên có tranh chấp thì phải khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[7] Đối với việc bị đơn cho rằng hiện tại hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi tháng **500.000đ**; Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu này không được phía nguyên đơn chấp nhận. Hơn nữa, điều kiện thi hành án của bị đơn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án nên yêu cầu trả chậm của bị đơn là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: do một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu $78.850.000\text{đ} \times 5\% = \mathbf{3.942.500\text{đ}}$ án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 370, Điều 471, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà **Nguyễn Thị Kim T** phải trả cho bà **Huỳnh Thị Trúc L** số tiền hụi còn thiếu là **78.850.000đ** (Bảy mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bà Huỳnh Thị Trúc L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà T còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền lãi **27.650.000đ**.

3. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu **3.942.500đ** (Ba triệu chín trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.662.500đ** theo biên lai số 007397 ngày 20/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

4. **Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang

